

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *43* /2025/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày *17* tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 2 năm 2025;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 14/2018/TT-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ nghĩa trang và dịch vụ hỏa táng;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 4078/TTr-SXD ngày 24 tháng 5 năm 2025 về việc Quyết định ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; trên cơ sở ý kiến thống nhất của các Thành viên UBND thành phố (tại Công văn số 2577/VP-ĐTĐT ngày 30/5/2025 của Văn phòng UBND thành phố).

Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng tại Phụ lục kèm theo Quyết định này làm cơ sở để định giá dịch vụ nghĩa trang và dịch vụ hỏa táng đối với các nghĩa trang và cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 26 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Tổ chức, cá nhân liên quan đến việc định giá dịch vụ nghĩa trang và dịch vụ hỏa táng đối với các nghĩa trang và cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Giao Sở Xây dựng theo dõi, tổng hợp những vấn đề vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện việc áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, kiểm tra, hướng dẫn, giải quyết theo thẩm quyền hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 6 năm 2025.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND thành phố; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các quận huyện; Giám đốc Ban nghĩa trang thành phố; Thủ trưởng các tổ chức, cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra VB&QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố;
- CT và các PCT UBND thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- UBND các quận, huyện, phường, xã;
- Ban nghĩa trang thành phố;
- Công báo thành phố, Báo Đà Nẵng, Đài PTTH Đà Nẵng, Công TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, SXD, ĐTĐT.

45/

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Quang Nam



Phụ lục

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ NGHĨA TRANG VÀ DỊCH VỤ HỎA TÁNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 43./2025/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

I. Thuyết minh và hướng dẫn sử dụng

Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ nghĩa trang và dịch vụ hỏa táng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng quy định mức hao phí về vật liệu, nhân công và máy thi công được xác định phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, điều kiện thực hiện và quy trình thực hiện cụ thể để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác về dịch vụ nghĩa trang và dịch vụ hỏa táng từ khâu chuẩn bị đến khâu kết thúc (kể cả những hao phí cần thiết do yêu cầu kỹ thuật và tổ chức sản xuất nhằm đảm bảo thực hiện liên tục, đúng quy trình, quy phạm kỹ thuật).

Định mức kinh tế - kỹ thuật được lập trên cơ sở các quy chuẩn, tiêu chuẩn; yêu cầu quản lý kỹ thuật; mức độ trang thiết bị máy thi công; biện pháp thực hiện và quy trình thực hiện các công việc liên quan đến dịch vụ nghĩa trang và dịch vụ hỏa táng.

1. Nội dung định mức:

Định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm: Mã hiệu, tên công tác, đơn vị tính, thành phần công việc, quy định áp dụng (nếu có) và các bảng hao phí định mức; trong đó:

Thành phần công việc quy định nội dung các bước công việc từ khi chuẩn bị đến khi hoàn thành công tác theo điều kiện kỹ thuật, biện pháp thi công và phạm vi thực hiện công việc.

Bảng các hao phí gồm:

- *Mức hao phí vật liệu:*

+ Là số lượng vật liệu chính, vật liệu khác cần thiết cho việc thực hiện và hoàn thành một đơn vị khối lượng công việc.

+ Mức hao phí vật liệu chính được tính bằng số lượng phù hợp với đơn vị tính của vật liệu; mức hao phí vật liệu khác được tính bằng tỷ lệ (%) trên chi phí vật liệu chính.

- *Mức hao phí lao động:*

+ Là số ngày công lao động của kỹ sư, công nhân trực tiếp cần thiết để hoàn thành một đơn vị khối lượng công việc từ khâu chuẩn bị đến khâu kết thúc, thu dọn hiện trường thi công.

+ Mức hao phí lao động được tính bằng số ngày công theo cấp bậc kỹ sư, công nhân. Cấp bậc kỹ sư, công nhân là cấp bậc bình quân của các kỹ sư và công nhân trực tiếp tham gia thực hiện một đơn vị khối lượng công việc.

- *Mức hao phí máy thi công:*

+ Là số ca sử dụng máy thi công trực tiếp, máy phục vụ cần thiết (nếu có) để hoàn thành một đơn vị khối lượng công việc. Mức hao phí máy thi công trực tiếp thi công được tính bằng số lượng ca máy sử dụng. Mức hao phí máy phục vụ được tính bằng tỷ lệ % trên chi phí máy thi công trực tiếp.

2. Kết cấu tập định mức:

Tập định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ nghĩa trang và dịch vụ hỏa táng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng được trình bày kết cấu như sau:

Phần 1: Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ nghĩa trang;

Phần 2: Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ hỏa táng.

Stt	Nhóm, loại công tác xây dựng	Mã hiệu định mức	Đơn vị tính
PHẦN I. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ NGHĨA TRANG			
1	Thu cát, bốc mộ 01 lần	NTĐN.10000	
1.1	<i>Thu cát, bốc mộ 01 lần (mộ đất)</i>	<i>NTĐN.10010</i>	<i>1 mộ</i>
1.2	<i>Thu cát, bốc mộ 01 lần (mộ xây thông thường)</i>	<i>NTĐN.10020</i>	<i>1 mộ</i>
1.3	<i>Thu cát, bốc mộ 01 lần (mộ xây mới, kiên cố)</i>	<i>NTĐN.10030</i>	<i>1 mộ</i>
2	Khâm liệm	NTĐN.20000	
2.1	<i>Khâm liệm (ca thường)</i>	<i>NTĐN.20010</i>	<i>1 thi hài</i>
2.2	<i>Khâm liệm (ca bệnh)</i>	<i>NTĐN.20020</i>	<i>1 thi hài</i>
3	Vận chuyển linh cữu	NTĐN.30000	
3.1	<i>Vận chuyển linh cữu bằng xe tang trung (đi và về dưới 100km)</i>	<i>NTĐN.30010</i>	<i>1 km</i>
3.2	<i>Vận chuyển linh cữu bằng xe tang lớn (đi và về dưới 100km)</i>	<i>NTĐN.30020</i>	<i>1 km</i>
3.3	<i>Vận chuyển linh cữu bằng xe rỗng (đi và về dưới 100km)</i>	<i>NTĐN.30030</i>	<i>1 km</i>
4	Bảo quản thi hài trong hầm lạnh	NTĐN.40000	1 ngày. đêm

Stt	Nhóm, loại công tác xây dựng	Mã hiệu định mức	Đơn vị tính
5	Chăm sóc mộ phần	NTĐN.50000	lần/mộ
PHẦN II. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ HỎA TÁNG			
6	Hỏa táng thi hài	HTĐN.10000	
6.1	Hỏa táng thi hài (áo quan 0,65-0,9m)	HTĐN.10010	1 bộ thi hài
6.2	Hỏa táng thi hài (áo quan > 0,9m)	HTĐN.10020	1 bộ thi hài
6.3	Hỏa táng thi hài (áo quan 6 cạnh thường)	HTĐN.10030	1 bộ thi hài
6.4	Hỏa táng hài cốt	HTĐN.10040	1 bộ hài cốt

3. Hướng dẫn áp dụng

- Định mức kinh tế kỹ thuật dịch vụ nghĩa trang và dịch vụ hỏa táng được sử dụng để các tổ chức, cá nhân có liên quan áp dụng để định giá dịch vụ nghĩa trang và dịch vụ hỏa táng trên địa bàn thành phố.

- Đối với các công tác chưa được công bố định mức hoặc đã được công bố nhưng sử dụng công nghệ thi công mới, biện pháp thi công, điều kiện thi công khác với quy định trong tập định mức này thì Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tiến hành điều chỉnh định mức hoặc xác lập định mức mới để trình UBND thành phố ban hành hoặc công bố.

II. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ nghĩa trang

NTĐN.10000 THU CÁT, BỐC MỘ 01 LẦN

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị các vật dụng cần thiết;
- Đào mộ, xúc đất đổ đúng nơi quy định;
- Thu lượm hài cốt, rửa sạch, xếp gọn vào tiểu sành hoặc quan tài cải táng;
- Đắp đất hồ đào bằng đất đã đào tại nơi đắp;
- Thu dọn dụng cụ, vệ sinh khu vực làm việc.

Đơn vị tính: 1 mộ

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Loại mộ		
				Mộ đất	Mộ xây thông thường	Mộ xây mới, kiên cố
NTĐN. 10000	Thu cát, bốc mộ 01 lần	Nhân công Nhân công bậc 3,5/7	Công	3,710	4,306	4,924
				NTĐN. 10010	NTĐN. 10020	NTĐN. 10030

NTĐN.20000 KHÂM LIỆM

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị quan tài và các vật dụng cần thiết;
- Vệ sinh, làm sạch, dùng vải quấn quanh thi thể;
- Đặt thi thể vào quan tài;
- Đẩy nắp quan tài
- Thu dọn dụng cụ.

Đơn vị tính: 1 thi hài

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Loại	
				Ca thường	Ca bệnh
NTĐN. 20000	Khâm liệm	Vật liệu			
		Cồn	lít	5	7
		Khăn tay	cái	4	4
		Găng tay	đôi	4	4
		Đồ bảo hộ	bộ	-	4
		Nhân công			
		Nhân công bậc 3,5/7	công	2,672	3,158
				NTĐN.20 010	NTĐN. 20020

NTĐN.30000 VẬN CHUYỂN LINH CỬU*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị phương tiện cần thiết;
- Di chuyển linh cửu lên và xuống xe tang
- Vận chuyển linh cửu đến nơi chôn cất hoặc hỏa táng.

Đơn vị tính: 1 km

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Loại xe		
				Xe tang trung	Xe tang lớn	Xe rỗng
NTĐN.30000	Vận chuyển linh cửu (đi và về dưới 100 km)	<i>Nhân công</i>	công	0,046	0,045	0,044
		Nhân công bậc 3,5/7				
		<i>Máy thi công</i>	Ca	0,017	0,018	0,019
		Xe tang				
				NTĐN.30010	NTĐN.30020	NTĐN.30030

NTĐN.40000 BẢO QUẢN THI HẢI TRONG HẦM LẠNH*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị dụng cụ cần thiết;
- Tiếp nhận và đưa thi hài vào hầm lạnh;
- Vận hành hầm lạnh trong 24 giờ;
- Đưa thi hài ra khỏi hầm lạnh, bàn giao cho gia đình để tổ chức khâm liệm.

Đơn vị tính: 1 ngày. đêm

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
NTĐN.40000	Bảo quản thi hài trong hầm lạnh	<i>Nhân công</i>	Công	0,043
		Nhân công bậc 3,5/7		
		<i>Máy thi công</i>	Ca	3,000
		Hầm lạnh		

NTĐN.50000 CHĂM SÓC MỘ PHẦN

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ cần thiết;
- Lau chùi, quét dọn mộ phần;
- Làm cỏ tạp xung quanh mộ;
- Thu gom rác và công cụ dụng cụ tại nơi làm việc.

Đơn vị tính: lần/ mộ

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
NTĐN.50000	Chăm sóc mộ phần	<i>Nhân công</i> Nhân công bậc 3,5/7	Công	0,054

III. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ hỏa táng

HTĐN.10000 HỎA TÁNG THI HÀI

Thành phần công việc:

- Đón quan tài, di chuyển quan tài vào khu vực làm lễ tại đài hành lễ;
- Di chuyển áo quan bằng thiết bị nâng hạ và hệ thống xe đẩy để đưa đến khu vực lò đốt;
- Thực hiện hỏa táng: thiết lập thông số, vận hành lò đốt, theo dõi quá trình hỏa táng;
- Sau thời gian hỏa táng, tiến hành thu gom tro cốt hỏa táng bằng thiết bị chuyên dùng và vận chuyển đến bộ phận phân tách tro cốt.
- Phần tro thiêu được mang đi xử lý theo quy định. Phần cốt được vận chuyển đến phòng làm nguội và xử lý theo quy định.
- Sau khi tro cốt được xử lý và làm nguội hoàn toàn, được cho vào hũ, đặt nắp gắn keo dán tem nhãn từng người theo quy trình thu nhận rồi trả cho khách hàng.

Đơn vị tính: 1 bộ thi hài

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Loại áo quan		
				Áo quan 0,65 - 0,9m	Áo quan > 0,9m	Áo quan 6 cạnh thường
HTĐN. 10000	Hỏa táng thi hài	<i>Vật liệu</i>				
		Gas	kg	78	140	34
		Vật liệu khác	%	1	1	1
		<i>Nhân công</i>				
		Nhân công bậc 5,0/7	công	0,565	0,566	0,561
		<i>Máy thi công</i>				
		Lò đốt	ca	0,459	0,461	0,457
		Máy và thiết bị khác	%	5	5	5
				HTĐN. 10010	HTĐN. 10020	HTĐN. 10030

HTĐN.10040 HỎA TÁNG HÀI CỐT

Thành phần công việc:

- Nhận hũ cốt, chuyển cốt xuống khu vực hỏa táng và cho vào lò đốt;
- Thực hiện hỏa táng: thiết lập thông số, vận hành lò hỏa táng, theo dõi quá trình hỏa táng;
- Sau thời gian hỏa táng, phần tro cốt được mang đi xử lý theo quy định;
- Sau khi tro cốt được làm nguội hoàn toàn, được cho vào bình đựng tro, đáy nắp gắn keo dán tem nhãn từng người theo quy trình thu nhận rồi trả cho khách hàng.

Đơn vị tính: 1 bộ hài cốt

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
HTĐN. 10040	Hỏa táng hài cốt	<i>Vật liệu</i>		
		Gas	kg	15
		Vật liệu khác	%	1
		<i>Nhân công</i>		
		Nhân công bậc 5,0/7	công	0,331
		<i>Máy thi công</i>		
		Lò đốt	ca	0,197
		Máy và thiết bị khác	%	5